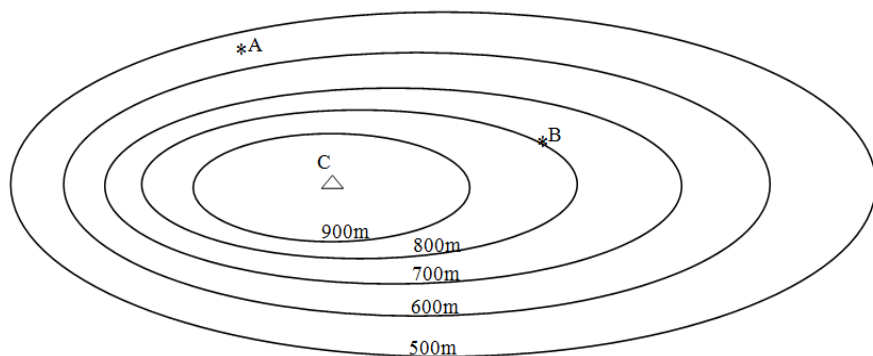


HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY
VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RƠC ĐI MẮT

✂-----

b. Cho biết tháng nào có lượng mưa ít nhất, đạt bao nhiêu mm ?

2. Dựa vào các đường đồng mức em hãy cho biết: (1 đ)



a. Các điểm sau có độ cao bao nhiêu mét ?

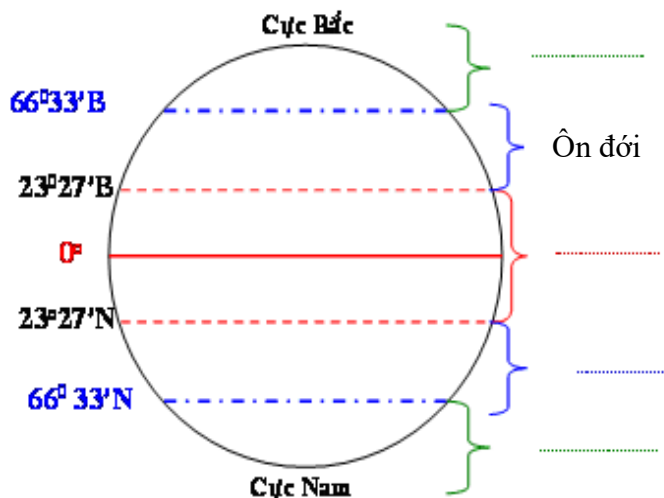
A =m

B =m

C =m

b. Sự chênh lệch về độ cao của hai đường đồng mức trên lược đồ là bao nhiêu mét ? _____

3. Dựa vào vĩ độ, điền tên các đới khí hậu trên Trái Đất. (1 đ)



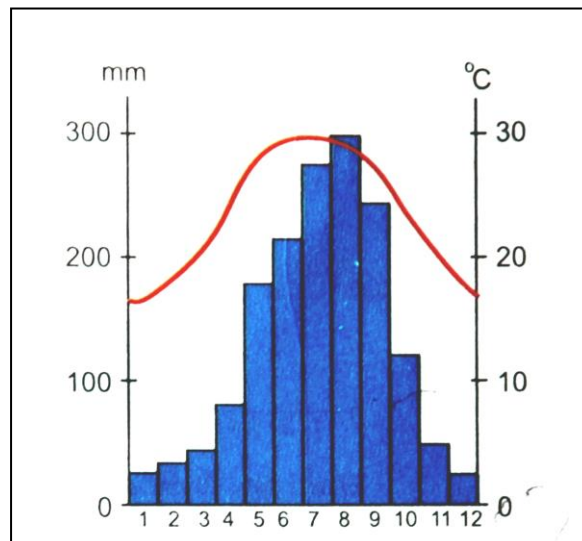
4. Quan sát hình 55 cho biết: (1,5 đ)

- Những yếu tố nào được biểu hiện trên biểu đồ ?

-Yếu tố nào được biểu hiện theo đường ?

-Yếu tố nào được biểu hiện bằng hình cột ?

-Nhận xét sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội.



Hình 55:

Hình 55. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội

TRƯỜNG THCS:..... HỌ VÀ TÊN: LỚP:.....		PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q.2 KIỂM TRA HỌC KÌ II Năm học: 2016-2017 MÔN: ĐỊA LÍ 6 Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian phát đề)	Chữ kí GT1	Chữ kí GT2	SỐ THỨ TỰ
Số phòng	Số báo danh				SỐ MẬT MÃ



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
Năm học 2016-2017
MÔN : ĐỊA 6

I. Phần tự luận: 5 điểm

- Thời tiết là gì? Khí hậu là gì? Thời tiết và khí hậu giống và khác nhau ở điểm nào?
 - Thời tiết là sự biểu hiện các hiện tượng khí tượng ở một địa phương trong thời gian ngắn (0,5 đ)
 - Khí hậu là sự lặp đi lặp lại của tình hình thời tiết ở 1 địa phương trong thời gian dài (0,5 đ)
 - **Giống nhau:** đều biểu hiện các hiện tượng khí tượng (0,25 đ)
 - **Khác nhau:**
 - + Thời tiết là sự biểu hiện trạng thái khí quyển trong một thời gian ngắn nhất định (0,25 đ)
 - + Khí hậu là sự biểu hiện lặp đi lặp lại của trạng thái khí quyển trong thời gian dài và trở thành quy luật. (0,5 đ)
- Thủy triều là gì? Nguyên nhân sinh ra thủy triều? Cho biết những lợi ích của thủy triều.**
 - Thủy triều là sự dâng lên, hạ xuống của mực nước biển. (0,5 đ)
 - Nguyên nhân sinh ra thủy triều là do sức hút của Mặt Trăng và một phần của Mặt Trời (0,5 đ)
 - Lợi ích: sản xuất muối, phục vụ cho ngành hàng hải, đánh cá... (0,5 đ)
- Sông là gì? Nêu các bộ phận của hệ thống sông. Kể tên các sông ở Việt Nam mà em biết.**
 - Sông là dòng nước chảy thường xuyên tương đối ổn định trên bề mặt lục địa. (0,5 đ)
 - **Các bộ phận của hệ thống sông gồm:** Sông chính, phụ lưu và chi lưu (0,5 đ)
 - **Các sông ở Việt Nam** sông Hồng và sông Cửu Long, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai.... (0,5 đ)

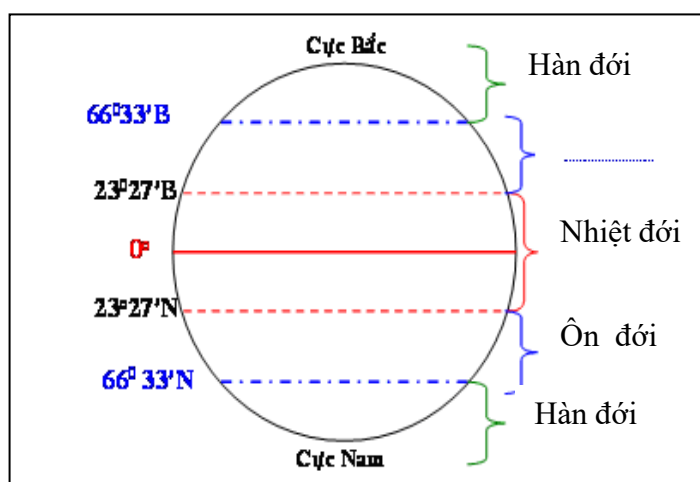
II. Phần kĩ năng: 5 điểm

1. Dựa vào bảng số liệu sau :

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa(mm)	18	14	16	35	110	160	150	145	158	140	55	25

- Tổng lượng mưa các tháng mưa nhiều
 $110 + 160 + 150 + 145 + 158 + 140 = 863 \text{ mm}$ (1 đ)
 - Tháng có lượng mưa nhiều ít nhất là tháng 2 đạt 14 mm (0,5 đ)
- a. Điểm A = 550m (0,25 đ) ; B = 800m (0,25 đ) C = 950m hoặc trên 900m (0,25 đ)
 - b. Chênh lệch độ cao của hai đường đồng mức là 100m (0,25 đ)

3. Các đới khí hậu trên Trái Đất: 1 đ (mỗi ý 0,25 đ)



4. Quan sát hình 55 cho biết: (1,5 đ)

- Những yếu tố nào được biểu hiện trên biểu đồ Nhiệt độ và lượng mưa (0,5 đ)
- Yếu tố nào được biểu hiện theo đường? Nhiệt độ (0,25 đ)
- Yếu tố nào được biểu hiện bằng hình cột? Lượng mưa (0,25 đ)
- Nhận xét sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội: Nhiệt độ và lượng mưa phân bố không đều trong năm (0,5 đ)

I/ PHẦN TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Trình bày đặc điểm dân cư châu Đại Dương?

- Mật độ dân số thấp nhất thế giới (0.25 điểm)
- Dân cư phân bố không đều (0.25 điểm)
- Các khu vực tập trung đông dân (phía đông, đông nam Ô-xtrây-li-a, bắc Niu Di-len, Pa-pua Niu Ghi-nê) (0.5 điểm)
- Nhiều đảo dân cư rất ít hoặc không có người ở. (0.25 điểm)
- Tỷ lệ dân thành thị cao (0.25 điểm)
- Dân cư gồm: dân bản địa chiếm 20% dân số và thành phần nhập cư chiếm 80% dân số (0.5 điểm)

Câu 2: (1.0 điểm) Vì sao phía Tây châu Âu có khí hậu ẩm áp và mưa nhiều hơn ở phía Đông?

- Ven biển phía tây có dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương chảy ven bờ (0.25 điểm)
- Bờ biển bị cắt xẻ mạnh, ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền (0.25 điểm)
- Gió Tây ôn đới thường xuyên hoạt động mạnh, mang hơi ẩm và ẩm của biển vào đất liền. (0.5 điểm)

Câu 3: (2.0 điểm) a/ Trình bày đặc điểm sông ngòi châu Âu?

- Sông ngòi có lượng nước dồi dào (0.25 điểm)
- Các sông quan trọng là: Đa-nuyp, Rai-nơ, Vôn-ga (0.25 điểm)
- Các sông đổ ra Bắc Băng Dương thường đóng băng một thời gian dài trong mùa đông (0.5 điểm)
- Nhiều sông được nối với nhau bởi các kênh đào, tạo thành một hệ thống đường thủy dày đặc. (0.5 điểm)

b/ Tại sao thảm thực vật ở châu Âu lại thay đổi từ tây sang đông?

Thảm thực vật ở Châu Âu thay đổi từ tây sang đông theo sự thay đổi của nhiệt độ và lượng mưa từ tây sang đông. (0.5 điểm)

II/ PHẦN KỸ NĂNG: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

a/ Tính thu nhập bình quân đầu người của các nước Canada, Hoa Kỳ và Mehico: (1.5 điểm)

Tên nước	Dân số (triệu người)	GDP (triệu USD)	Thu nhập bình quân đầu người (USD/người)
Canada	31	677178	21844
Hoa Kỳ	284,5	10171400	35752
Mehico	99,6	617817	6203

HS trình bày cách tính đúng: 0.5 điểm/nước

b/ So sánh mức thu nhập bình quân đầu người của Hoa Kỳ với Canada và Mehico với Canada:

- Hoa Kỳ so với Canada: Hoa Kỳ: 35.752(USD/người) > Canada : 21.844 (USD/người) (0.25 điểm)
- Mehico so với Canada: Mehico: 6203 (USD/người) < Canada : 21.844 (USD/người) (0.25 điểm)

Câu 2: (1.0 điểm) Dựa vào bảng số liệu nông nghiệp các nước Bắc Mỹ năm 2001, nhận xét nền nông nghiệp ở Bắc Mỹ:

Nhận xét: Có tỉ lệ lao động trong nông nghiệp rất thấp, nhất là Hoa Kỳ và Canada, nhưng sản xuất ra khối lượng nông sản rất lớn. (0.5 điểm)

⇒ Bắc Mỹ có nền nông nghiệp tiên tiến, đạt trình độ cao. (0.5 điểm)

Câu 3: (2.0 điểm) Nhận xét mật độ dân số và tỉ lệ dân thành thị ở một số quốc gia thuộc Châu Đại Dương năm 2001:

- Mật độ dân số:
 - Toàn châu lục: thấp 3,6 người/km² (0.25 điểm)
 - Cao nhất: Va-nu-a-tu 16,6 người/km² (0.25 điểm)
 - Thấp nhất: Ô-xtrây-li-a 2,5 người/km² (0.25 điểm)
- Tỷ lệ dân thành thị:
 - Toàn châu lục: tương đối cao 69% (0.25 điểm)
 - Cao nhất: Ô-xtrây-li-a 85% (0.25 điểm)
 - Thấp nhất: Pa-pua Niu Ghi-nê 15% (0.25 điểm)

⇒ Nhận xét chung: Châu Đại Dương có mật độ dân số thấp, phân bố không đều, tỉ lệ dân thành thị thuộc loại cao trên thế giới (0.5 điểm)

I/ PHẦN TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

a/ Địa hình nước ta chia làm mấy khu vực? Kể tên? (0.5 điểm)

Địa hình nước ta chia thành 3 khu vực chính: Đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.

b/ Vì sao đồi núi là bộ phận quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình Việt Nam? (1.5 điểm)

- Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ. (0.5 điểm)
- Đồi núi thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích. (0.5 điểm)
- Núi cao trên 2000m chiếm 1%. (0.5 điểm)

Câu 2: (2.0 điểm)

a/ Trình bày giá trị sông ngòi của nước ta? (1.0 điểm)

- Cung cấp nước cho tưới tiêu và sinh hoạt. (0.25 điểm)
- Bồi đắp phù sa cho đồng bằng. (0.25 điểm)
- Phát triển giao thông đường thủy, thủy điện, du lịch, thủy sản. (0.5 điểm)

b/ Chúng ta cần làm gì để bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông? (1.0 điểm)

- Nâng cao ý thức bảo vệ nguồn nước của mỗi người dân. (0.25 điểm)
- Có biện pháp xử lý rác thải, nước thải, các chất độc hại. (0.5 điểm)
- Khai thác hợp lý các nguồn lợi từ sông ngòi. (0.25 điểm)

Câu 3: (1.0 điểm) Chứng minh khí hậu Việt Nam mang tính chất thất thường?

- Tính chất thất thường thể hiện rõ nhất trong chế độ nhiệt và chế độ mưa: năm rét sớm, năm rét muộn; năm khô hạn, năm mưa nhiều...do nhịp độ và cường độ gió mùa tạo ra. (0.75 điểm)
- Gần đây có thêm các nhiễu loạn khí tượng toàn cầu El Nino và La Nina. (0.25 điểm)

II/ PHẦN KỸ NĂNG: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Nhận xét về sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nước ta năm 1990 và năm 2000 (đơn vị %)
Từ năm 1990 đến năm 2000:

- Nông nghiệp giảm từ 38,74% → 24,30% (0.5 điểm)
 - Công nghiệp tăng từ 22,67% → 36,61% (0.5 điểm)
 - Dịch vụ tăng từ 38,59% → 39,09% (0.5 điểm)
- ⇒ Phản ánh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. (0.5 điểm)

Câu 2: (3.0 điểm)

a/ Xác định các tháng mùa mưa và mùa lũ theo chỉ tiêu vượt giá trị trung bình tháng: (2.0 điểm)

- Lượng mưa trung bình = Tổng lượng mưa 12 tháng / 12 = **153,3mm** (HS ghi số liệu cụ thể) (0.5 điểm)
⇒ Các tháng mùa mưa : tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10 (6 tháng) (0.5 điểm)
- Lưu lượng trung bình = Tổng lưu lượng 12 tháng / 12 = **3632,6 m³/s** (HS ghi số liệu cụ thể) (0.5 điểm)
⇒ Các tháng mùa lũ: tháng 6, 7, 8, 9, 10 (5 tháng) (0.5 điểm)

b/ Nhận xét mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ: (0.5 điểm)

- Các tháng mùa lũ trùng với các tháng mùa mưa: tháng 6, 7, 8, 9, 10 (0.25 điểm)
- Các tháng mùa lũ không trùng với các tháng mùa mưa: tháng 5. (0.25 điểm)

c/ Giải thích vì sao miền khí hậu phía Bắc có mưa vào mùa hạ: (0.5 điểm)

Vào mùa hạ, miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam từ biển, mang hơi ẩm và ẩm vào đất liền
→ Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.

I/ PHẦN TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.5 điểm)

- a/ Cho biết các bộ phận của vùng biển Việt Nam?
b/ Nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển ở nước ta?

Câu 2: (2.5 điểm)

- a/ Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Cửu Long có những thuận lợi gì để phát triển nông nghiệp?
b/ Trình bày đặc điểm phát triển ngành nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

II/ PHẦN KỸ NĂNG: (5.0 điểm)

Câu 1: (3.5 điểm)

- a/ Dựa vào bảng số liệu sau, hãy tính tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2002 (đơn vị: nghìn tấn) (Kê bảng xử lý số liệu vào giấy làm bài).

Các ngành thủy sản	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Cá biển khai thác	493,8	54,8	1189,6
Cá nuôi	283,9	110,9	486,4
Tôm nuôi	142,9	7,3	186,2

- b/ Vẽ biểu đồ cột thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2002.

- c/ Nhận xét tình hình sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với Đồng bằng sông Hồng năm 2002.

Câu 2: (1.5 điểm) Dựa vào bảng số liệu diện tích và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2002:

	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	855,2	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	4,8	34,4

- a/ Tính tỉ lệ % diện tích và sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước.

- b/ Nhận xét diện tích và sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước.

- c/ Nêu ý nghĩa việc sản xuất lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long.

I/ PHẦN TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.5 điểm) a/ Kể tên các bộ phận của vùng biển Việt Nam? (1.0 điểm)

Vùng biển nước ta gồm các bộ phận: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

b/ Nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển ở nước ta? (1.5 điểm)
(mỗi ý 0.25 điểm)

Vùng biển nước ta có nhiều tiềm năng thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển:

- Bờ biển dài, rộng, có nhiều vũng vịnh
- Nằm trên đường hàng hải quốc tế nên giao thông đường biển thuận lợi
- Hải sản phong phú, các ngư trường đánh bắt lớn
- Thêm lục địa có khoáng sản: dầu mỏ, khí đốt...
- Có nhiều cảnh quan đẹp

Câu 2: (2.5 điểm) a/ Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Cửu Long có những thuận lợi gì để phát triển nông nghiệp? (1.0 điểm) (mỗi ý 0.25 điểm)

- Đồng bằng rộng, địa hình bằng phẳng.
- Sông ngòi dày đặc nhiều nước quanh năm nguồn sinh thủy tốt.
- Đất phù sa chiếm diện tích lớn.
- Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm.

b/ Trình bày đặc điểm phát triển ngành nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long? (1.5 điểm)

- Là vùng trọng điểm lúa lớn nhất nước. → Giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong việc đảm bảo an toàn lương thực, cũng như xuất khẩu lương thực, thực phẩm của cả nước. (0.5 điểm)
- Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước. (0.25 điểm)
- Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh. (0.25 điểm)
- Tổng sản lượng thủy sản chiếm hơn 50 % cả nước. (0.25 điểm)
- Nghề rừng giữ vị trí quan trọng góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học. (0.25 điểm)

II/ PHẦN KỸ NĂNG: (5.0 điểm)

Câu 1: (3.5 điểm)

a/ Tính tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2002: (0.5 điểm)

Sản lượng	Đồng bằng sông Cửu Long		Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
	(nghìn tấn)	(%)	(nghìn tấn)	(%)	(nghìn tấn)	(%)
Cá biển khai thác	493,8	41,5	54,8	4,6	1189,6	100,0
Cá nuôi	283,9	58,4	110,9	22,8	486,4	100,0
Tôm nuôi	142,9	76,7	7,3	3,9	186,2	100,0

b/ Vẽ biểu đồ cột → Biểu đồ vẽ đúng, đẹp, đầy đủ các nội dung: (2.0 điểm), sai hoặc thiếu một yếu tố trừ 0.25 điểm.

c/ Nhận xét tình hình sản xuất thủy sản của ĐB sông Cửu Long so với ĐB sông Hồng năm 2002: (1.0 điểm)

⇒ Các ngành thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long luôn cao hơn Đồng bằng sông Hồng (dẫn chứng)

Câu 2: (1.5 điểm) a/ Tính tỉ lệ % diện tích và sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước: (0.5 điểm)

	Đồng bằng sông Cửu Long		Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	51,1%	855,2	11,4%	7504,3	100,0%
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	51,5%	4,8	14,0%	34,4	100,0%

b/ Nhận xét diện tích và sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước. (0.5 điểm)

- Diện tích chiếm 51,1% và sản lượng chiếm 51,5% so với cả nước ⇒ cao nhất nước.
- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất nước.

c/ Nêu ý nghĩa việc sản xuất lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long. (0.5 điểm)

- Đảm bảo an ninh lương thực cho vùng và cả nước.
- Là mặt hàng xuất khẩu chính của vùng.

— HẾT —